

Số: 43/2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2  
đối với các trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ  
Bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của  
Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số  
149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết  
và thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Xét Tờ trình số 1497/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định giá dịch vụ xét nghiệm  
SARS-CoV-2 đối với các trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo  
hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo  
thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của  
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với các trường  
hợp không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của  
Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với các trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương cho việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở y tế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; người bệnh chưa có thẻ Bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ Bảo hiểm y tế nhưng sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Không áp dụng đối với trường hợp lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cộng đồng do ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

3. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (có phụ lục kèm theo) bao gồm: Chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương tại cột 1 Phụ lục, cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 mua theo giá trúng thầu, tổng chi phí cho một dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không quá mức tối đa tại cột 2 Phụ lục.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2022. *gh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**

## Phụ lục

**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-CoV-2**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm): Chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương	Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
A	B	1	2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200	78.000
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn	30.800	178.900
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700	
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300	
3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		501.800
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu).	78.800	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		223.300
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		175.100
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		151.000
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		136.600
2	Trường hợp gộp 6 - 10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu).	62.500	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200	

TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm): Chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương	Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		110.600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		103.800
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		98.600
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		94.600
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		91.400
<b>3</b>	<b>Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại Phòng Xét nghiệm</b>	<b>112.500</b>	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		257.000
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		208.800
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		184.700
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		170.300
<b>4</b>	<b>Trường hợp gộp 6 - 10 mẫu tại phòng xét nghiệm</b>	<b>97.200</b>	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		145.300
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		138.500
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		133.300
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		129.300
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		126.100



Handwritten signature or initials.